

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 7 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2 năm 2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu	582.046.516.000	143.221.414.875	24,61%	119,52%
1	Ngân sách Nhà nước				
2	Dịch vụ y tế	505.478.941.000	123.068.525.299	24,35%	119,50%
3	Thu khác (hoạt động dịch vụ)	76.567.575.000	20.152.889.576	26,32%	119,68%
II	Tổng chi	582.046.516.000	127.302.444.228	21,87%	119,30%
A	Tổng chi thường xuyên	581.620.721.000	126.948.061.115	21,83%	119,29%
	Nhóm 1: Chi thanh toán cho cá nhân	116.630.504.000	45.313.803.496	38,85%	124,47%
1	Tiền lương	39.604.624.000	14.050.679.915	35,48%	129,13%
2	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	10.640.739.000	4.115.989.475	38,68%	117,41%
3	Phụ cấp lương	55.521.882.000	22.893.389.431	41,23%	122,53%
4	Tiền thưởng	728.525.000	-	0,00%	
5	Phúc lợi tập thể	25.308.000	6.437.000	25,43%	333,52%
6	Các khoản đóng góp	10.062.053.000	4.247.307.675	42,21%	127,38%
7	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	47.373.000	-	0,00%	
	Nhóm 2: Chi về hàng hóa, dịch vụ	461.037.609.000	77.941.861.717	16,91%	117,28%
8	Thanh toán dịch vụ công cộng	9.666.497.000	3.712.317.356	38,40%	112,05%
9	Vật tư văn phòng	4.375.674.000	1.040.240.406	23,77%	123,13%
10	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	823.151.000	321.783.530	39,09%	110,19%
11	Hội nghị	-	-		
12	Công tác phí	476.155.000	124.670.000	26,18%	233,93%
13	Chi phí thuê mướn	7.675.157.000	765.395.167	9,97%	52,78%
14	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	12.856.269.000	1.010.261.672	7,86%	78,55%
15	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	12.206.000.000	803.653.995	6,58%	111,08%
16	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	412.945.796.000	70.163.539.591	16,99%	119,95%
17	Mua sắm tài sản vô hình	-	-		
18	Chi lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội	12.910.000	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Nhóm 3: Các khoản chi khác	3.952.608.000	3.692.395.902	93,42%	103,91%
19	Chi khác	3.882.082.000	3.523.464.372	90,76%	99,15%
20	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoản chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	-	-		
21	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	70.526.000	168.931.530	239,53%	
B	Trích bổ sung chi lương	425.795.000	354.383.113	83,23%	122,68%

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Đăng Website BVT;
- Lưu TCKT.

Người lập bảng



Lê Nguyễn Kiều Mỹ

Kế toán trưởng



Phan Thụy Thu Vân

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 7 năm 2024



Lê Huy Thạch